

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2019
V/v: ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Cao Châu Tiếp;

2/- Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 205/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, về việc “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: bà Trương Thị L, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/- Bị đơn: ông Lê Tấn T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bà L có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị L trình bày: bà và ông Lê Tấn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Quý. Thời gian đầu sống với nhau rất hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác từ đó bà và ông T thường xuyên tranh cãi và đã ly thân nhau từ tháng 5/2018 đến nay.

- Về con chung: giữa bà và ông T có 01 con chung tên Lê Tấn S sinh ngày 01/02/1997.

Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết: Chấp nhận cho bà được ly hôn với ông Lê tấn T; tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Lê Tấn T không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

* Tại phiên tòa:

- Bà L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T.

- Ông T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Lê Tấn T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[2]. Giữa bà Trương Thị L và ông Lê Tấn T chung sống với nhau vào năm 1993 và đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo trình bày của bà L tại phiên tòa xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do ông T có mối quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên tranh cãi nhau và đã ly thân nhau từ tháng 5/2018 đến nay nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Ông T không có văn bản phản đối với lời trình bày và yêu cầu ly hôn của bà L, cũng không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa.

Thấy rằng: ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án chứng tỏ ông không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân với bà L nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của bà L xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông T.

[3]. Giữa bà L và ông T có 01 con chung đã trưởng thành.

[4]. Về tài sản chung: Ghi nhận bà L không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí:

Bà L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Chấp nhận cho bà Trương Thị L được ly hôn với ông Lê Tấn T.
2. Về án phí: bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 02351 ngày 22/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên bà L không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- UBND xã Nhị Quý, TX Cai Lậy;
- Các đương sự: L, T;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT